

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI CHÂU
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 14-6-2019

V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI CHÂU, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Thảo

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Huỳnh Thanh Trà

2. Ông Nguyễn Văn Sanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Linh Phương, Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà Trần Nhã Minh Hoàng – Kiểm sát viên

Ngày 14 tháng 6 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 17/2019/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 02 năm 2019 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 5 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2019/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Bà **Đỗ Thị Hương T** - Sinh năm 19xx - Địa chỉ: Đường N, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

* *Bị đơn:* Ông **Tổng Thanh B** - Sinh năm 19yy - Địa chỉ: Đường D, phường A, quận C, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 29/8/2018, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn là bà Đỗ Thị Hương T trình bày:

Bà và ông Tổng Thanh B kết hôn vào năm 2006, có đăng ký kết hôn tại UBND phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng thuê nhà sống tại đường D, thành phố Đà Nẵng; đến tháng 5 năm 2018 vợ chồng chuyển về sống tại nhà của cha mẹ bà T tại địa chỉ đường N, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng. Vợ chồng chung sống đến khoảng năm 2013, sau khi sinh con thứ

hai, thì phát sinh mâu thuẫn; nguyên nhân là do ông B thiếu trách nhiệm với gia đình, không lo làm ăn, cờ bạc nợ nần, thường xuyên nhậu nhẹt, dẫn đến vợ chồng hay xảy ra cãi vã, không còn tôn trọng lẫn nhau. Đỉnh điểm mâu thuẫn là vào ngày 24/12/2018, khi vợ chồng cãi nhau ông B đã xúc phạm cả cha mẹ bà và bỏ đi. Từ đó đến nay vợ chồng sống ly thân mỗi người một nơi, không quan tâm đến nhau. Tại phiên tòa, bà T xác định hiện nay tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn được nên bà T yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau:

- Về hôn nhân: Bà T yêu cầu được ly hôn với ông Tống Thanh B.
- Về con chung: Bà T xác định vợ chồng có 02 con chung là Tống Thủy E, sinh ngày 04/9/20xy và Tống Thành G, sinh ngày 11/01/20yx. Bà T có nguyện vọng được nuôi cả hai con và không yêu cầu ông B cấp dưỡng.
- Về tài sản chung và nợ chung: Bà T xác định vợ chồng không có tài sản chung và không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại Đơn đề nghị (không có ngày tháng năm) gửi Tòa án, ông Tống Thanh B trình bày:

Vì việc khách quan và sức khỏe nên ông không thể đến Tòa án. Vợ chồng ông có nhiều bất đồng nên ông đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà T và đồng ý giao hai con chung là Tống Thủy E và Tống Thành G cho bà T nuôi dưỡng, ông sẽ chu cấp tiền nuôi con đầy đủ.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án là tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung, đại diện Viện kiểm sát đề nghị: Chấp nhận yêu cầu của bà Đỗ Thị Hương T về việc ly hôn với ông Tống Thanh B; giao hai con chung cho bà T nuôi dưỡng, ông Tống Thanh B không phải cấp dưỡng nuôi con; tài sản chung và nợ chung không có nên không đề cập giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Thẩm quyền giải quyết vụ án: Nơi cư trú của ông Tống Thanh B tại đường D, phường A, quận C, thành phố Đà Nẵng nên vụ án do Tòa án nhân dân quận Hải Châu thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự

- Bị đơn là ông Tống Thanh B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Tòa án tiến hành xét xử

vắng mặt ông B là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Đỗ Thị Hương T và ông Tống Thanh B tự nguyện kết hôn vào năm 2006, có đăng ký kết hôn tại UBND phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng (Giấy chứng nhận kết hôn số 84, quyển số 01/2006 ngày 26/10/2006). Hôn nhân giữa bà T và ông B đảm bảo các điều kiện cũng như thủ tục theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà Đỗ Thị Hương T kiên quyết xin ly hôn với ông Tống Thanh B. Căn cứ vào lời trình bày của đương sự, các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Trong quá trình chung sống, do có nhiều bất đồng nên giữa bà T và ông B đã phát sinh mâu thuẫn từ khoảng năm 2013, dẫn đến vợ chồng hay xảy ra cãi vã và không còn tôn trọng nhau. Do mâu thuẫn kéo dài không khắc phục được nên vợ chồng sống mỗi người một nơi từ tháng 12 năm 2018 đến nay. Sau khi Tòa án thụ lý vụ án, tuy ông B không đến Tòa án tham gia hòa giải nhưng đã có văn bản trình bày ý kiến đồng ý ly hôn với bà T. Điều này chứng minh tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà Đỗ Thị Hương T xin ly hôn là có căn cứ. Mặt khác, Tòa án đã nhiều lần triệu tập ông Tống Thanh B đến để hòa giải nhưng ông B vẫn vắng mặt chứng tỏ ông B không tha thiết níu kéo cuộc hôn nhân này. Vì vậy, Tòa án căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Đỗ Thị Hương T.

[2.2] *Về con chung:* Bà Đỗ Thị Hương T xác định bà và ông Tống Thanh B có 02 con chung là Tống Thủy E, sinh ngày 04/9/20xy và Tống Thành G, sinh ngày 11/01/20yx. Khi ly hôn, bà T có nguyện vọng được nuôi hai con. Tòa án xét thấy: Hai cháu Tống Thủy E và Tống Thành G hiện nay đang sống với bà T, từ khi vợ chồng không còn chung sống với nhau đến nay hai cháu đều do bà T chăm sóc và nuôi dưỡng. Cháu Tống Thủy E cũng có nguyện vọng được sống với mẹ khi cha mẹ ly hôn. Do đó, Tòa án quyết định giao hai con chung cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình, phù hợp với nguyện vọng của con chung, đảm bảo cho các cháu có cuộc sống ổn định để học tập và phát triển toàn diện.

Bà Đỗ Thị Hương T không yêu cầu ông Tống Thanh B cấp dưỡng nuôi con nên Tòa án không xem xét.

[2.3] *Về tài sản chung và nợ chung:* Bà Đỗ Thị Hương T xác định vợ chồng không có nên không đề cập giải quyết.

[3] Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng bà Đỗ Thị Hương T phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các điều 56, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị Hương T đối với ông Tống Thanh B.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Đỗ Thị Hương T được ly hôn với ông Tống Thanh B.

2. Về con chung:

- Giao 02 con chung là Tống Thủy E, sinh ngày 04/9/20xy và Tống Thành G, sinh ngày 11/01/20yx cho bà Đỗ Thị Hương T trực tiếp nuôi dưỡng.

- Ông Tống Thanh B không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, các bên đương sự vẫn có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Bên không nuôi con có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Khi cần thiết vì lợi ích con chung các bên có quyền làm đơn xin thay đổi nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Đỗ Thị Hương T xác định không có nên Tòa án không giải quyết.

4. Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng bà Đỗ Thị Hương T phải chịu, nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp theo biên lai thu số 0006848 ngày 25/02/2019 của Chi cục thi hành án dân sự quận Hải Châu. Bà Đỗ Thị Hương T đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Bà Đỗ Thị Hương T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; ông Tống Thanh B vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân

sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND quận Hải Châu;
- UBND phường Hòa Thuận Tây;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Thị Thu Thảo